TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2022
V/v "ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hưng Quang
Bà Nguyễn Thị Bích Lam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm Phạm C khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HPT, ngày 16/3/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn H, sinh năm: 1981
Địa chỉ: khu phố 13, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Phạm C, sinh năm: 1982
Địa chỉ: khu phố 13, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn H trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Phạm C tự nguyên sống chung với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 175, ngày 30/7/2004.

Cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, từ đó tình cảm cũng dần phai nhạt. Ngoài ra ông Phạm C thường xuyên gây cải và đánh đập bà. Bà đã cố gắng chịu đựng vì các con và vì muốn gia đình êm ấm, tuy nhiên ông Phạm C vẫn tính nào tật nấy, không chịu thay đổi.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có hàn gắn cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm C.

Về con chung: bà và ông Phạm C có 02 con chung tên Phạm N, sinh ngày 13/4/2004 và Phạm Kh, sinh ngày 09/9/2009.

Hiện nay các con đang ở với bà, bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục hai con chung cho đến khi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Phạm C cấp dưỡng con.

Về tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Phạm C trình bày:

Ông thừa nhận giữa ông và Nguyễn H có mâu thuẫn là do ông không kiềm chế được bản nhân, tuy nhiên mâu thuẫn của vợ chồng là không lớn, hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà Nguyễn H dó đó ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn H.

- Về con chung: ông và bà Nguyễn H có 02 con chung tên: Phạm N, sinh ngày 13/4/2004và Phạm Kh, sinh ngày 09/9/2009.

Ông đồng ý giao cho bà Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung đến khi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại khu phố 13, thị trấn Liên Nguyễn H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thì ông Phạm C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 13, thị trấn Liên Nguyễn H, huyện Tuy Phong. Tại buổi hòa giải lần 2 vào ngày 21 tháng 02 năm 2022, ông Phạm C vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Phạm C theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Phạm C vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Phạm C không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao hai con chung cho bà Nguyễn H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Phi Phạm C có nơi cư trú tại khu phố 13, thị trấn L H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã xác định địa chỉ của ông Phạm C đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Phạm C, do ông Phạm C vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn H và ông Phạm C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Nguyễn H trình bày ông Phạm C thường xuyên gây cải và đánh đập bà, bà cố gắng chịu đựng vì các con nhưng ông Phạm C vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông Phạm C thừa nhận mâu thuẫn là do ông không kiềm chế được bản thân, là do lỗi của ông. Tại buổi hòa giải lần hai, ông

Phạm C vắng mặt không có lý do. Qua xác minh ông Phạm C không có mặt ở địa pNguyễn H, ông Phạm C đi đâu địa pNguyễn H không rõ, hiện nay ông bà đã ly thân. Điều này chứng tỏ ông Phạm C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn H.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn H và ông Phạm C đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn H và ông Phạm C có 02 con chung tên: Phạm N, sinh ngày 13/4/2004 và Phạm Kh, sinh ngày 09/9/2009, hiện đang ở với bà Nguyễn H. Bà Nguyễn H yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung, bà không yêu cầu ông Phạm C cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm C đồng ý giao cả 02 con chung cho bà Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, phù hợp với tình hình thực tế cuộc sống và nguyện vọng của hai cháu, Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Phạm N và Phạm Kh cho bà Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn H là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn H đối với ông Phạm C.

Bà Nguyễn H được ly hôn với ông Phạm C.

3/ Về con chung: Giao cho bà Nguyễn H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung Phạm N sinh ngày 13/4/2004, (Giới tính: Nam) và Phạm Kh, sinh ngày 09/9/2009, (Giới tính: Nam) cho đến khi đủ tuổi thành niên. Bà Nguyễn H không yêu cầu ông Phạm C cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn H có quyền khởi kiện yêu cầu ông Phạm C cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Phạm C không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn H phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn H đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0003089 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Nguyễn H đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử Phạm C khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2022), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND tt L;
- Lưu: Hồ sơ.

Lâm Thị Mỹ Kỷ